TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 334/2023/DS-PT
Ngày 18-8-2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Bùi Ngọc Thạch

Bà Trần Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Song Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2023/TLPT-DS ngày 05/5/2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi chung)".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1987; địa chỉ: số 279/15 đường Lê Chí Dân, khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; ủy quyền cho ông Nguyễn Thiện Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: số 160/24/1 đường Phan Huy Ích, P.X, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 22/12/2021), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn Ph, sinh năm 1960; địa chỉ: số 768 đường Nguyễn Chí Thanh, tổ 16, khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; ủy quyền cho bà Nguyễn Thị DH, sinh năm 1971; địa chỉ: số A62Bis đường Cách mạng tháng 8, khu phố Bình Đức, phường BN, thành phố T1, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền ngày 18/3/2022), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương; ủy quyền cho ông ND – Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài

nguyên và Môi trường thành phố T (theo Giấy ủy quyền ngày 12/12/2022), có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2021 (nộp tại Tòa án ngày 08/12/2021) và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Thu A là chủ sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 1.072,4m^2 thuộc thửa đất số 846; tờ bản đồ số 13; tọa lạc tại khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM546568, số vào sổ H39413 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị Thu A ngày 10/6/2008. Nguồn gốc đất là do bà Trần Thị Rực (bà nội bà A) tặng cho vào năm 2006.

Trước khi tặng cho đất thì vào năm 2004 bà Rực đã chừa một phần đất có diện tích 178,3m^2 (chiều ngang 3m, chiều dài 59,45m) để làm lối đi chung, phần đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp ông Đỗ Văn Ph

- Phía Tây giáp với đường 4,2m

- Phía Nam giáp đất hương hỏa

- Phía Bắc giáp phần đất của bà Nguyễn Thị Thu A

Phần đất này được dùng để làm lối đi chung vào phía sau đất của gia đình bà A và ông Đỗ Văn Ph cùng sử dụng để đi vào phần đất phía trong của ông Ph. Bà A đã sử dụng con đường đi từ năm 2004 đến nay, năm 2018 bà A xin giấy phép xây dựng và xây 01 căn nhà cấp 04 ở phía sau đất (giáp với đất của ông Ph) với hướng cửa nhà quay ra con đường đi chung này và đi lại trên con đường này từ nhiều năm nay.

Tuy nhiên, vào ngày 25/10/2021 ông Ph rào chắn phần lối đi chung này, vì ông Ph cho rằng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lối đi này. Do không thể thỏa thuận được nên bà A đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường H giải quyết buộc ông Ph phải trả lại lối đi chung nhưng hòa giải không thành nên buộc bà Nguyễn Thị Thu A khởi kiện tại Tòa án yêu cầu:

- Buộc ông Đỗ Văn Ph trả lại lối đi chung có diện tích: 178,3m^2, thuộc thửa đất số 2294, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp ông Đỗ Văn Ph

+ Phía Tây giáp với đường 4,2m

+ Phía Nam giáp đất hương hỏa

+ Phía Bắc giáp phần đất của bà Nguyễn Thị Thu A

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 260968, số vào sổ CH00186 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 08/3/2010 cho ông Đỗ Văn Ph.

*** Bị đơn ông Đỗ Văn Ph do bà Nguyễn Thị DH đại diện trình bày:**

Ông Đỗ Văn Ph và ông Nguyễn Văn Trịa là anh em con dì (ông Nguyễn Văn Trịa là cha ruột của bà Nguyễn Thị Thu A). Ông Đỗ Văn Ph được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BB 260968, số vào sổ CH00186 ngày 08/03/2010. Đất có diện tích 178,3m^2, thuộc thửa đất số 2294, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Nguồn gốc đất có trước năm 1975 thuộc quyền sử dụng của ông Đỗ Văn Dền (cố ngoại của ông Ph). Sau năm 1975 được sự đồng ý của thân tộc cho khai phá sử dụng đất của ông bà để lại, con bà Trần Thị Rực là ông Nguyễn Văn Trịa và ông Đỗ Văn Ph (con bà Đỗ Thị Ơi) đã tiến hành khai phá canh tác đất. Đến năm 1998, phần đất của ông Trịa canh tác thì làm thủ tục cấp sổ cho bà Rực, còn phần đất của ông Ph thì đến năm 2001 được cấp sổ cho ông Ph. Phần đất của ông Ph nằm phía trong, phần đất của ông Trịa nằm phía ngoài nên để đi vào đất của mình canh tác thì ông Ph đi trên đường bờ nằm ở đầu thửa đất của bà Rực (chính là phần đất ông Trịa canh tác) từ năm 1986, đến 1990 thì bà Rực cũng như các dì trong thân tộc không cho ông Ph đi trên con đường này nữa mà yêu cầu ông Ph đi trên con đường gần mồ mả, tức là nằm cuối thửa đất của bà Rực (phía nam) nên ông Ph đi trên con đường này từ năm 1990 đến năm 2004 thì giữa các anh chị em trong thân tộc bà Đỗ Thị Út, ông Đỗ Văn Ph và bà Trần Thị Rực có tranh chấp với nhau về phần đất trong thân tộc yêu cầu ông Ph và bà Rực mỗi người chừa thêm 10m chiều ngang để làm đất hương quả.

Tại Biên bản hòa giải ngày 23/08/2004 của UBND xã H thì các bên đi đến thỏa thuận: Phía ông Đỗ Văn Ph đồng ý hoán đổi đất và chừa ra ngang 10m, dài khoảng 59 mét giao cho thân tộc làm đất hương quả; về phía bà Trần Thị Rực (mẹ của ông Nguyễn Văn Trịa) cũng chừa ra ngang 10m, dài khoảng 59m, trong đó giao cho thân tộc 07m ngang để làm đất hương quả và 03m ngang giao cho cá nhân ông Đỗ Văn Ph toàn quyền được sử dụng.

Do lối đi gần mồ mả thì sau khi hòa giải thành ông Ph không được đi nữa nên căn cứ vào Biên bản hòa giải ngày 23/08/2004, trong đó tại phần ghi chú của biên bản thể hiện "*Bà Trần Thị Rực, Nguyễn Văn Trịa thống nhất giao cho anh Đỗ văn Ph đường đi 3m theo dài hết đất bản vẽ trên. Mọi khiếu nại về sau không giải quyết"*, kể từ thời gian này ông Ph đã sử dụng phần đất này để làm lối đi vào đất, sau đó ông Ph tiến hành thủ tục và ông Ph đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 178,3m^2 vào ngày 08/3/2010.

Tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ph lập ngày 16/12/2009, người trong thân tộc có vợ chồng ông Nguyễn Văn Trịa, bà Phan Thị Liên (cha mẹ ruột của bà A) thống nhất xác nhận về nguồn gốc đất ông Ph được cấp giấy chứng nhận là hoán đổi đất trong thân tộc. Do đó, việc ông Đỗ Văn Ph được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn hợp pháp, đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật về đất đai.

Bà Nguyễn Thị Thu A khởi kiện cho rằng diện tích 178,3m^2, thửa đất 2294, tờ bản đồ số 13 để sử dụng làm lối đi chung là không đúng. Bà Nguyễn Thị Thu A đang quản lý sử dụng thửa đất số 846, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.072,4m^2 tiếp giáp mặt tiền đường đi chung có chiều ngang 19,5m. Nay bà A muốn tách thửa phân lô đất để chuyển nhượng thì bà phải tự chừa đất mở đường theo quy định pháp luật về đất đai.

Do đó, qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố T trình bày:**

Tại Công văn số 2618/UBND-VP ngày 20/10/2022 về việc cung cấp thông tin về vụ án, UBND thành phố T xác định: trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn Ph và bà Nguyễn Thị Thu A là phù hợp trình tự tại thời điểm cấp đất. Diện tích 178,3m^2 ông Ph được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện là lối đi tự mở (không thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Nguyễn Thị Thu A) và được ông Ph sử dụng làm lối đi vào đất từ tháng 8/2004. Đối với việc diện tích được cấp là 178,3m^2 nhưng diện tích đo thực tế chỉ có 176,8m^2 là do đo theo yêu cầu của Tòa án và theo chỉ ranh của đương sự và chứng kiến của cán bộ địa chính phường, bản vẽ chỉ có giá trị thể hiện hình thể, ranh giới, diện tích khu đất theo yêu cầu của Tòa án. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ việc.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A đối với bị đơn ông Đỗ Văn Ph về việc:

- Yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích 178,3m^2 thuộc thửa đất số 2294, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương là lối đi chung của bà Nguyễn Thị Thu A với ông Đỗ Văn Ph

- Kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 260968, số vào sổ CH00186 ngày 08/3/2010 do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho ông Đỗ Văn Ph.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/02/2023, bà Nguyễn Thị Thu A là nguyên đơn có đơn kháng cáo, yêu cầu xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Trên cơ sở tài liệu thu thập được, có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Thu A (sau đây viết là nguyên đơn) khởi kiện ông Đỗ Văn Ph (sau đây viết là bị đơn) yêu cầu bị đơn trả lại lối đi chung diện tích đất 178,3m^2 và kiến nghị UBND thành phố T thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bị đơn ngày 08/3/2010. Nguyên đơn cho rằng: theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10/6/2008 cho nguyên đơn thì thửa đất số 846 của nguyên đơn thể hiện hướng Nam tiếp giáp lối đi tự mở 3 mét nhưng bị đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lối đi chung là không đúng nên nguyên đơn khởi kiện với yêu cầu như trên.

[2] Bị đơn khai: Phần đất diện tích 178,3m^2, thửa đất số 2294, tờ bản đồ số 13 bị đơn được UBND thị xã T (nay là thành phố T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/3/2010 là căn cứ Biên bản hòa giải ngày 23/8/2004 của UBND xã H (nay là phường H) hòa giải tranh chấp đất trong thân tộc giữa bà Đỗ Thị Út, ông Đỗ Văn Ph, bà Trần Thị Rực, ông Nguyễn Văn Trịa có nội dung: Bà Rực, ông Trịa thống nhất giao cho ông Ph đường đi 3 mét theo bản vẽ. Mọi khiếu nại về sau không giải quyết. Việc cấp đất cho bị đơn là đúng pháp luật. Đất của nguyên đơn cũng có cạnh giáp mặt tiền đường đi chung. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hồ sơ quản lý đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Công văn số 2618/UBND-VP, ngày 20/10/2022 của UBND thành phố T về việc cung cấp thông tin về vụ án; Báo cáo số 164/BC-UBND ngày 22/9/2022 và Báo cáo số 235/BC-UBND ngày 30/11/2022 của UBND phường H (bút lục 70, 81, 109 đến 114): Thửa đất số 846, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã được UBND thị xã T (nay là thành phố T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/6/2008 cho bà Nguyễn Thị Thu A có nguồn gốc nhận chuyển quyền của hộ bà Trần Thị Rực. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà A thì vị trí hướng Nam của thửa đất 846 tiếp giáp lối đi tự

mở 3m, hướng tây tiếp giáp lối đi chung (4,5m), hướng Đông tiếp giáp đất của ông Đỗ Văn Ph. Ngày 23/8/2004, UBND xã H lập Biên bản hòa giải thừa kế đất đai trong thân tộc gồm: bà Đỗ Thị Út, ông Đỗ Văn Ph, bà Trần Thị Rực (là mẹ của ông Nguyễn Văn Trịa và là bà nội của nguyên đơn), ông Nguyễn Văn Trịa; các bên thỏa thuận: bà Trần Thị Rực, ông Nguyễn Văn Trịa thống nhất giao cho anh Đỗ Văn Ph đường đi 3m theo bản vẽ trên. Mọi khiếu nại về sau không giải quyết… Ông Ph được sử dụng phần đất đường đi 3m ở vị trí hướng Nam thửa đất của bà Rực (nay là thửa 846 của nguyên đơn) và hướng Đông thửa đất của bà Rực và hướng Đông của đường đi 3m tiếp giáp phần đất của ông Ph (nằm bên trong). Biên bản hòa giải ngày 23/8/2004 cũng được các bên thống nhất sơ đồ bản vẽ thể hiện trong biên bản hòa giải về đường đi 3m giao cho ông Ph quản lý, sử dụng. Khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn, ông Trịa cũng ký xác nhận tại phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 16/12/2009 có xác nhận của UBND phường H. Trên cơ sở Biên bản hòa giải ngày 23/8/2004, được sự thống nhất của bà Rực, ông Trịa, bị đơn đăng ký thực hiện thủ tục và được UBND thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/3/2010, diện tích 178,3m^2 thuộc thửa 2294, tờ bản đồ số 13 có chiều ngang 3m. UBND thành phố T và UBND phường H đều xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn là đúng trình tự pháp luật. Khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai quy định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất. Điều 26 Luật Đất đai bảo đảm của Nhà nước đối với người sử dụng đất. Bảo hộ quyền sử dụng đất của người sử dụng đất và các Điều: 163, 164 Bộ luật Dân sự về bảo vệ quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Hiện tại thửa đất 846 của nguyên đơn có cạnh hướng Tây tiếp giáp đường đi chung (4,5m). Đất của nguyên đơn không bị vây bọc bởi các bất động sản khác. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm và chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản theo quy định. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 16 Điều 3; Điều 26; Điều 166 Luật Đất đai.

- Căn cứ các Điều: 163, 164 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các Điều: 147, 148, 157, 165, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu A. Giữ nguyên Bản án số 08/2023/DS-ST ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố T như sau: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu A đối với ông Đỗ Văn Ph về việc: Yêu cầu công nhận diện tích đất 178,3m^2 thuộc thửa đất số 2294, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương là lối đi chung của bà Nguyễn Thị Thu A với ông Đỗ Văn Ph và kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 260968, số vào sổ cấp GCN: CH00186 ngày 08/3/2010 do UBND thị xã T cấp cho ông Đỗ Văn Ph.

2. Về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản:

- Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu A phải nộp 300.000 đồng được trừ vào 10.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000946 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T trả lại cho bà A 10.000.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu A phải nộp 300.000 đồng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002511 ngày 26/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Thu A phải chịu 5.766.380 đồng được trừ vào tạm ứng đã nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung